

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 16-5-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nông Văn Tràng.

2. Ông: Nông Thanh Lù.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/HS-ST ngày 26/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2019/QĐXXST-HS ngày 02/5/2019 đối với bị cáo:

Nông Văn T, sinh ngày 07/9/199x.

Sinh trú quán: Xóm K, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn T1 và bà Nông Thị H; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 25/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hạ Lang từ ngày 12/02/2019 đến nay. Có mặt.

Người bị hại:

- Anh Hoàng Đình H, sinh ngày 09/02/198x. Nơi cư trú: Phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Anh Lăng Văn G, sinh ngày 08/02/199x. Nơi cư trú: Xóm L, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nông Văn N, sinh ngày 30/11/198x. Nơi cư trú: Xóm S, xã V, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Đ (chủ hiệu cầm đồ Hồng Ngân), sinh ngày 06/8/198x. Nơi cư trú: Phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/01/2019, Công an huyện Hạ Lang nhận được đơn trình báo của anh Hoàng Đình H về việc ngày 17 và 19 tháng 12 năm 2018, có Nông Văn T và Nông Văn N thuê xe của anh để làm phương tiện đi lại, nhưng đến hạn không thấy T và N trả xe theo như hợp đồng đã cam kết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hạ Lang đã tiến hành điều tra và xác định được:

Ngày 17/12/2018, Nông Văn T lập hợp đồng thuê chiếc xe máy HONDA RSX, màu xanh đen không có Biển kiểm soát, có số khung 472093, số máy 2225294 với cửa hàng cầm đồ Hương Thoa để làm phương tiện đi bốc hàng, thời hạn thuê từ ngày 17- 30/12/2018. Sau khi có xe, T đi xuống các Mốc 37, 38 để tìm bốc hàng thuê, nhưng trong thời gian này không có hàng, lại đang thiếu tiền nên ngày 20/12/2018, T tự ý đem chiếc xe máy trên đi bán cho cửa hàng cầm đồ Hồng Ngân với giá 500.000đ và hứa quay lại chuộc xe. Số tiền này T đem mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 23/01/2019, Công an huyện Hạ Lang đã tạm giữ chiếc xe trên để phục vụ công tác điều tra. Chiếc xe được định giá 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 19/12/2018, Nông Văn N lập hợp đồng thuê chiếc xe máy HONDA, Biển kiểm soát 11Z2-04xx, có số khung 112322, số máy 1679559 với cửa hàng cầm đồ Hương Thoa để làm phương tiện đi bốc hàng, thời hạn thuê từ ngày 19- 22/12/2018. Sau khi có xe, N đi xuống các Mốc 37, 38 để tìm bốc hàng thuê, ngày 20/12/2018 khi đang trên đường quay về nhà thì N gặp Nông Văn T hỏi đi nhờ xe, Ngon đồng ý. Tối ngày 20/12/2018, N ăn cơm và ngủ lại nhà của T, sáng hôm sau cả hai cùng đi xe xuống Mốc 39 tìm bốc hàng thuê. Đến tầm 12 giờ cùng ngày Nông Văn T mượn xe của N quay về nhà để nấu cơm mang xuống cùng N ăn, nhưng đến sáng ngày 22/12/2018, T mới đi xe máy xuống đón N, trên đường đi xe bị hỏng nên T bắt nhờ xe người qua đường xuống Mốc 37 nhưng không gặp N, sau đó T quay lại sửa xe và đem đi cầm cố ở cửa hàng Hồng Ngân với giá 400.000đ để chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng. Khi gặp N, T nói dối là “đã chuyển tên trong hợp đồng thuê xe từ tên N sang tên T rồi”, nghe vậy N tin và không có ý kiến với T nữa. Khi đến hạn không thấy T quay lại chuộc nên cửa hàng Hồng Ngân đã bán chiếc xe trên cho một người không biết tên và địa chỉ với giá 700.000đ. Chiếc xe được định giá 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, ngày 07/02/2019 khi thấy Lãng Văn G cầm chiếc điện thoại di động OPPO A37, T nảy sinh ý định chiếm đoạt và nói dối mượn điện thoại G để vào “ZALO” và được G đồng ý. Sau khi có điện thoại, T lấy lý do đi đón bà và đem chiếc điện thoại trên đi cầm cố ở cửa hàng Hương Thoa với giá 500.000đ. Ngày 12/02/2019, Công an huyện Hạ Lang đã tạm giữ chiếc điện thoại trên để phục vụ công tác điều tra. Chiếc điện thoại được định giá 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Đối với những tài sản bị thu giữ xác định được: Chiếc xe mà T thuê, anh Hoàng Đình H mua với Long Văn K, trú tại: Quang Long, Hạ Lang, Cao Bằng vào ngày 05/8/2017 với giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Xe có đặc điểm nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 11X1-035x (Anh H đã làm mất biển kiểm soát), số khung 472093, số máy 2225294. Chiếc xe mà N thuê, anh Hoàng Đình H mua với Đàm Văn D, trú tại: Bản Chao, An Lạc, Hạ Lang, Cao Bằng vào ngày 26/10/2017 với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Xe có đặc điểm nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 11Z2-04xx, số khung 1679559, số máy 112322. Hai chiếc xe trên, anh H mua đều hợp pháp và có giấy tờ đầy đủ. Đối với chiếc điện thoại OPPO A37, anh G mua đầu năm 2018 tại cửa hàng Bảo Tín, huyện Hạ Lang với giá 3.600.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSHL ngày 25/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang đã truy tố Nông Văn T về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 và Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174; Điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h (Tái phạm) khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội từ 18 đến 24 tháng tù. Về vật chứng, đề nghị trả lại xe và điện thoại cho chủ sở hữu. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Đ và anh H mỗi người 500.000đ; Chị Đ phải trả cho anh H 1.500.000đ. Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận, nhất trí trả tiền theo yêu cầu của anh H, chị Đ và đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại anh H khai: Ngày 17/12/2018 có cho Nông Văn T thuê 01 xe máy và ngày 19/12/2018 cho Nông Văn N thuê 01 xe máy với đặc điểm như Cáo trạng đã truy tố. Đến hạn không thấy T và N trả theo cam kết của hợp đồng. Sau này mới biết cả hai xe trên đã bị Nông Văn T đem cầm cố tại cửa hàng Hồng Ngân. Nay đề nghị trả lại xe đang tạm giữ và buộc Nông Văn T trả lại 500.000đ mà anh đã nhận cầm cố chiếc điện thoại với bị cáo; Tự nguyện thỏa thuận với chị Trần Thị Đ về việc bồi thường giá trị chiếc xe BKS 11Z2-042x với số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Đ khai: Tháng 12 năm 2018 có nhận cầm cố với Nông Văn T 02 xe máy, nguồn gốc xe từ đâu mà có chị không biết. Sau này do không thấy quay lại chuộc xe nên chị đã bán chiếc xe có BKS 11Z2-04xx cho một người không biết tên và địa chỉ với số tiền 700.000đ, còn 01 xe không có BKS Công an huyện đã thu giữ. Nay đề nghị bị cáo trả lại số tiền 500.000đ mà chị đã mua chiếc xe HONDA, không có biển kiểm soát, số khung 472093, số máy 2225294 với bị cáo; Còn chiếc xe máy BKS 11Z2-04xx, số khung 1679559, số máy 112322 chị đã bán nên nhất trí bồi thường cho anh H số tiền 1.500.000đ.

Người bị hại anh Lăng Văn G vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ngày 07/02/2019, Nông Văn T rủ đi Thác Bản Giốc chơi, trước khi đi T mượn điện thoại của anh để vào “ZALO”, sau đó tự ý mang điện thoại của anh đi cầm cố. Nay đề nghị trả lại điện thoại đang tạm giữ cho anh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ngày 19/12/2018, anh thuê xe máy với cửa hàng cầm đồ Hương Thoa làm phương tiện đi bốc hàng thuê. Ngày 21/12/2018, T hỏi mượn xe về nhà nấu cơm rồi đem xuống cả hai ăn, nhưng đến hôm sau vẫn không thấy T quay lại đón. Khi gặp, T bảo đã chuyển từ tên anh sang tên T trong hợp đồng thuê xe nên anh tin. Về sau mới biết T đã đem xe đi cầm cố, nay đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, số tài sản bị chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Ngày 17/12/2018, Nông Văn T thuê chiếc xe máy HONDA RSX, màu xanh đen không có Biển kiểm soát, có giá trị 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) với cửa hàng cầm đồ Hương Thoa để làm phương tiện đi bốc hàng thuê. Sau đó đến ngày 20/12/2018, T tự ý đem chiếc xe máy trên đi bán cho cửa hàng cầm đồ Hồng Ngân ở Phố Hạ Lang, thị trấn Thanh Nhật với giá 500.000đ. Ngày 22/12/2018, lợi dụng sự tin tưởng của anh Nông Văn N, bị cáo T đã mượn chiếc xe máy HONDA, Biển kiểm soát 11Z2-04xx có giá trị 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) rồi đem đi cầm cố ở cửa hàng cầm đồ Hồng Ngân lấy 400.000đ tiêu xài cá nhân.

Ngày 07/02/2019 khi thấy Lăng Văn G cầm chiếc điện thoại di động OPPO A37, T nảy sinh ý định chiếm đoạt, sau đó nói dối mượn điện thoại G để vào “ZALO” và được G đồng ý. Sau khi có điện thoại, T đem đi cầm cố ở cửa hàng Hương Thoa với giá 500.000đ. Chiếc điện thoại được định giá 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Hành vi chiếm đoạt của T là thông qua thuê và mượn tài sản của bị hại, sau đó sử dụng vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Ngoài ra, bằng thủ đoạn gian dối, T còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt điện thoại của anh G. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã gây ra tình trạng mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; đồng thời khi thực hiện hành vi bị cáo đã có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tuy giá trị chiếc điện thoại dưới 2.000.000đ, nhưng trước đó T đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nên đã phạm tội theo điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định Nông Văn T đã phạm các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Hạ Lang đã truy tố và đề nghị mức án là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy rằng: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản lần thứ nhất có giá 4.250.000đ, trước đó ngày 25/7/2017, bị cáo đã bị xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm; Cũng do chưa được xóa án tích nên lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản lần thứ hai tuy dưới 4.000.000đ nhưng cũng cấu thành tội phạm theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự, nên bị cáo bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do tình tiết tái phạm nên hành vi mới cấu thành tội phạm, do đó bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3]. Đối với Nông Văn N, sau khi cho mượn xe có tìm T để đòi nhưng T nói dối là đã chuyển từ tên N sang tên T trong hợp đồng thuê xe nên anh tin, việc T mang xe đi cầm cố anh N không biết. Đối với Trần Thị Đ, có nhận mua và cầm cố hai xe từ T, nhưng khi nhận chị không biết xe do phạm tội mà có. Nên Công an huyện không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với hai người trên là có căn cứ.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản cầm cố là xe máy, thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu và chỉ chủ sở hữu hợp pháp mới có quyền định đoạt tài sản. Trong vụ án này, bị cáo mang 02 xe không có giấy tờ chứng minh chủ sở hữu đến tiệm cầm đồ Hồng Ngân bán và cầm cố lấy tổng số tiền 900.000đ, trong khi chưa được sự đồng ý hoặc ủy quyền của chủ sở hữu là anh H, việc cầm cố cũng không được lập bằng văn bản. Theo Điều 195 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Người không phải là chủ sở hữu tài sản chỉ có quyền định đoạt tài sản theo ủy quyền của chủ sở hữu hoặc theo quy định của luật*”. Do đó, giao dịch mua và cầm cố 02 xe máy giữa bị cáo với cửa hàng cầm đồ Hồng Ngân là vô hiệu và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo Điều 131 Bộ luật dân sự. Bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho chị Trần Thị Đ số tiền 900.000đ, tuy nhiên chị Đ chỉ yêu cầu bị cáo trả 500.000đ, nên số tiền 400.000đ do bị cáo thu lợi bất chính mà có cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Chị Đ hoàn trả lại 02 xe máy đã mua và nhận cầm cố cho bị cáo. Xác nhận chiếc xe máy

HONDA RSX, màu xanh đen không có Biển kiểm soát, số khung 472093, số máy 2225294 hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện hạ Lang. Còn chiếc xe máy HONDA, Biển kiểm soát 11Z2-04xx, số khung 112322, số máy 1679559 chị Đ đã bán cho một người không biết tên và địa chỉ với số tiền 700.000đ. Theo Điều 313 Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ của bên nhận cầm cố: “*Không được, trao đổi, tặng cho, sử dụng tài sản cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác*”. Theo Điều 315 Bộ luật dân sự quy định cầm cố tài sản chấm dứt trong những trường hợp sau: “*1. Nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt; ...4. Theo thỏa thuận của các bên*”. Trong vụ án này, nghĩa vụ bảo đảm bằng cầm cố chưa chấm dứt và các bên cũng không có thỏa thuận nào khác mà chị Đ đã tự ý bán tài sản cầm cố là vi phạm Điều 313 Bộ luật dân sự, nên chị Đ phải bồi thường xe cho chủ sở hữu bằng giá trị theo kết luận là 3.800.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa giữa anh H và chị Đ tự nguyện thỏa thuận giá trị chiếc xe này là 1.500.000đ, nên ghi nhận sự thỏa thuận trên theo Điều 585 Bộ luật dân sự 2015. Đối với giao dịch cầm cố điện thoại giữa bị cáo với anh Hoàng Đình H, do là tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu nên khi anh H nhận cầm cố không biết điện thoại do phạm tội mà có. Vì vậy bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho anh H số tiền đã nhận là 500.000đ.

[5]. Về vật chứng: Qua điều tra xác định được chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA màu xanh đen, không có Biển kiểm soát, số khung 472093, số máy 2225294, xác định chủ sở hữu là của anh Hoàng Đình H; Chiếc điện thoại OPPO A37 chủ sở hữu là của anh Lăng Văn G, nên cần trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu.

[6]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết tội và bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải bồi thường nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hạ Lang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174; Điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51; Các điểm g, h (Tái phạm) khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 12 (Mười hai) tháng tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt chung hai tội là 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 12/02/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 131, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

- Buộc bị cáo Nông Văn T phải hoàn trả cho chị Trần Thị Đ, nơi cư trú: Phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, số tiền 500.000đ; Hoàn trả cho anh Hoàng Đình H, nơi cư trú: Phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền 500.000đ;

- Chị Trần Thị Đ có trách nhiệm trả cho anh Hoàng Đình H, nơi cư trú: Phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền 1.500.000đ.

- Truy thu bị cáo số tiền 400.000đ do thu lợi bất chính mà có để nộp Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh Hoàng Đình H 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, màu sơn xanh đen, số khung 472093; số máy 2225294;

- Trả lại cho anh Lăng Văn G 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A37, mặt trước màu trắng, màn hình bị nứt vỡ.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang theo biên bản giao nhận ngày 06/5/2019.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự không có giá ngạch; Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự không có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh G và anh N có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt Bản án hợp lệ./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thanh Lù Nông Văn Tràng

Nông Văn Tùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện (02 bản);
- Chi cục THA huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- UBND TT Thanh Nhật (*bằng thông báo*);
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

